

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Kinh doanh số**

4103002690

ngày 23 tháng 9 năm 2004

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300405462 (điều chỉnh lần thứ 12) ngày 26 tháng 8 năm 2013. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Trịnh Anh Tuấn

Chủ tịch
(đến ngày 1 tháng 12 năm 2014)

Ông Trần Thanh Văn

Chủ tịch
(từ ngày 1 tháng 12 năm 2014)

Bà Phạm Kiều Diễm

Thành viên

Ông Ngô Đình Luyện

Thành viên

Ông Cao Trọng Miên

Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Tạ Duy Linh

Trưởng Ban Kiểm soát

Ông Vũ Nhất Tâm

Thành viên

Bà Võ Thị Cẩm Hồng

Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Trần Thanh Văn

Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Bảo Hạnh

Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

321 Trần Hưng Đạo
Phường Cô Giang, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Pin Ấc quy Miền Nam
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 40 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng này.

Thay mặt Ban Giám đốc

Trần Thanh Văn
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 9 tháng 3 năm 2015



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax +84 (8) 3821 9267
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 9 tháng 3 năm 2014 được trình bày từ trang 5 đến trang 40.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm đối với hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số: 4114000230

Báo cáo kiểm toán số: 14-01-257



Chang Hung Chun

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

Kiểm toán số 0863-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Nghị

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

Kiểm toán số 0304-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 9 tháng 3 năm 2015

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 01 – DN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		867.201.220.095	1.007.379.728.398
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	200.636.882.571	199.966.907.621
Tiền	111		160.636.882.571	133.566.907.621
Các khoản tương đương tiền	112		40.000.000.000	66.400.000.000
Các khoản đầu tư ngắn hạn	120	6	145.000.000.000	175.500.000.000
Các khoản phải thu	130		61.381.972.363	112.892.971.988
Phải thu khách hàng	131		52.373.840.212	98.584.187.136
Trả trước cho người bán	132		5.821.567.338	9.436.734.734
Phải thu khác	135	7	5.228.054.931	7.178.598.356
Dự phòng phải thu khó đòi	139		(2.041.490.118)	(2.306.548.238)
Hàng tồn kho	140	8	448.492.173.873	494.299.624.553
Hàng tồn kho	141		451.700.848.048	499.822.011.216
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.208.674.175)	(5.522.386.663)
Tài sản ngắn hạn khác	150		11.690.191.288	24.720.224.236
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.027.173.889	6.356.328.012
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		5.705.023.706	15.435.293.488
Tài sản ngắn hạn khác	158		2.957.993.693	2.928.602.736
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 250 + 260)	200		384.488.792.025	420.327.613.880
Tài sản cố định	220		370.129.112.785	409.728.392.872
Tài sản cố định hữu hình	221	9	333.229.376.890	366.564.402.220
Nguyên giá	222		711.809.189.486	684.393.347.188
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(378.579.812.596)	(317.828.944.968)
Tài sản cố định vô hình	227	10	31.264.963.231	29.788.500.179
Nguyên giá	228		55.780.846.048	52.348.950.060
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(24.515.882.817)	(22.560.449.881)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	11	5.634.772.664	13.375.490.473
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		3.600.000.000	-
Đầu tư dài hạn khác	258	12	3.600.000.000	-
Tài sản dài hạn khác	260		10.759.679.240	10.599.221.008
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	6.544.748.557	5.943.031.799
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	14	4.024.530.683	4.465.789.209
Tài sản dài hạn khác	268		190.400.000	190.400.000
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.251.690.012.120	1.427.707.342.278

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

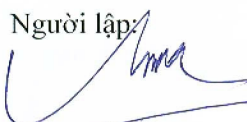
	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		740.238.412.342	929.229.319.503
Nợ ngắn hạn	310		736.115.412.342	928.667.158.503
Vay ngắn hạn	311	15	487.353.040.594	479.245.955.581
Phải trả người bán	312		95.569.286.119	290.662.263.475
Người mua trả tiền trước	313		7.675.620.874	2.059.417.164
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	18.507.028.249	13.354.026.158
Phải trả người lao động	315		79.028.472.138	75.066.066.715
Chi phí phải trả	316	17	34.404.052.268	32.230.758.043
Phải trả khác	319	18	1.080.124.549	19.782.384.534
Dự phòng bảo hành	320	19	6.908.915.025	8.828.683.963
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		5.588.872.526	7.437.602.870
Nợ dài hạn	330		4.123.000.000	562.161.000
Phải trả dài hạn khác	333		4.123.000.000	562.161.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		511.451.599.778	498.478.022.775
Vốn chủ sở hữu	410	20	511.451.599.778	498.478.022.775
Vốn cổ phần	411	21	269.878.430.000	269.878.430.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		62.295.088.755	62.295.088.755
Cổ phiếu quỹ	414	21	(14.419.110.657)	(14.419.110.657)
Quỹ đầu tư phát triển	417	22	57.694.106.730	50.253.243.359
Quỹ dự phòng tài chính	418	22	26.987.843.000	26.987.843.000
Lợi nhuận chưa phân phối	420		109.015.241.950	103.482.528.318
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.251.690.012.120	1.427.707.342.278

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2014	31/12/2013
Ngoại tệ – USD	732.891	2.222.321

Ngày 9 tháng 3 năm 2015

Người lập:


 Nguyễn Duy Hưng
 Kế toán trưởng

Người duyệt:


 Trần Thanh Văn
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 02 – DN

	Mã số	Thuyết minh	2014 VND	2013 VND
Tổng doanh thu	01	23	2.027.040.357.716	1.879.167.202.573
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		709.510.303	142.568.109
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10		2.026.330.847.413	1.879.024.634.464
Giá vốn hàng bán	11		1.648.833.334.537	1.532.157.904.608
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		377.497.512.876	346.866.729.856
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	21.072.874.462	18.817.299.455
Chi phí tài chính	22	25	29.871.898.662	21.946.945.980
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>18.685.358.217</i>	<i>14.985.375.658</i>
Chi phí bán hàng	24		237.435.997.702	219.795.734.412
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		36.504.132.087	36.804.610.648
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		94.758.358.887	87.136.738.271
Thu nhập khác	31	26	1.007.403.833	929.464.139
Chi phí khác	32		319.183.377	302.095.275
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		688.220.456	627.368.864
Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40)	50		95.446.579.343	87.764.107.135
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	20.596.732.106	28.137.000.920
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	52	27	441.258.526	(1.912.125.532)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		74.408.588.711	61.539.231.747
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	2.795	2.311

Ngày 9 tháng 3 năm 2015

Người lập:



Nguyễn Duy Hưng
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Trần Thanh Văn
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN

	Mã số	Thuyết minh	2014 VND	2013 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		95.446.579.343	87.764.107.135
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		64.715.832.777	58.083.348.807
Các khoản dự phòng	03		(4.498.539.546)	6.128.555.120
Lỗi/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		1.406.045.534	(1.672.616.077)
Lỗi từ thanh lý tài sản cố định	05		-	4.169.950
Thu nhập lãi tiền gửi	05		(18.213.224.915)	(13.951.435.708)
Chi phí lãi vay	06		18.685.358.217	14.985.375.658
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		157.542.051.410	151.341.504.885
Biến động các khoản phải thu	09		59.454.185.599	46.830.128.397
Biến động hàng tồn kho	10		48.121.163.168	(79.181.129.081)
Biến động các khoản phải trả	11		(171.468.184.441)	126.939.082.022
Biến động chi phí trả trước	12		2.845.284.726	(4.455.644.933)
			96.494.500.462	241.473.941.290
Tiền lãi vay đã trả	13		(18.975.614.115)	(14.787.161.580)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã trả	14		(27.107.691.181)	(59.823.585.752)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(10.033.680.052)	(5.957.767.656)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20		40.377.515.114	160.905.426.302
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định	21		(25.234.400.051)	(57.696.821.059)
Tiền chi đầu tư vào tiền gửi ngân hàng	25		-	(130.205.980.000)
Tiền thu từ đầu tư vào tiền gửi ngân hàng	26		30.500.000.000	-
Tiền thu lãi tiền gửi	27		20.225.779.373	9.605.131.250
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30		25.491.379.322	(178.297.669.809)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này


Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN

	Mã số	Thuyết minh	2014 VND	2013 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền chi mua cổ phiếu quỹ	31		-	(52.000.000)
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33		1.413.544.832.516	1.215.542.003.043
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.406.799.610.860)	(1.028.585.368.230)
Tiền trả cổ tức	36		(71.887.583.700)	(53.250.972.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40		(65.142.362.044)	133.653.662.813
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		726.532.392	116.261.419.306
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		199.966.907.621	83.908.244.156
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		(56.557.442)	(202.755.841)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	5	200.636.882.571	199.966.907.621

Ngày 9 tháng 3 năm 2015

Người lập:


 Nguyễn Duy Hưng
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



 Trần Thanh Văn
 Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 09 – DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và phân phối pin và ắc quy.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty có 1.096 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 1.170 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

Báo cáo tài chính riêng này là báo cáo tài chính riêng của Công ty và không bao gồm báo cáo tài chính của công ty con. Các khoản đầu tư vào công ty con được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- Nhà cửa và vật kiến trúc 5 – 25 năm
- Máy móc và thiết bị 3 – 12 năm
- Phương tiện vận chuyển 6 – 8 năm
- Dụng cụ văn phòng 3 – 5 năm
- Khác 5 – 8 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

(ii) Phần mềm vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

(iii) Phí chuyển giao công nghệ

Giá mua của phí chuyển giao công nghệ được vốn hóa và hạch toán là tài sản vô hình. Phí chuyển giao công nghệ được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ^[K4]

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 5 năm.

(ii) Chi phí khác

Chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm chi phí quảng cáo và các chi phí khác phát sinh nhằm phục vụ cho hoạt động bán hàng của Công ty. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả cho nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(i) Chi phí bảo hành

Khoản dự phòng về chi phí bảo hành liên quan chủ yếu tới hàng hóa đã bán ra và dịch vụ đã cung cấp trong kỳ kế toán. Khoản dự phòng được lập dựa trên ước tính xuất phát từ các dữ liệu thống kê lịch sử về chi phí bảo hành đã phát sinh liên quan tới các sản phẩm và dịch vụ tương tự.^[K5]

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(ii) Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

Theo Luật Bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 180/2012/TT-BTC, yêu cầu tất cả các khoản dự phòng trợ cấp thôi việc đều được hoàn nhập. Công ty đã thực hiện theo Thông tư 180 và đã hoàn nhập tất cả dự phòng trợ cấp thôi việc vào thu nhập trong năm 2012.

(I) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(m) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu :
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có năm đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và phải thu.

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(n) Quỹ khen thưởng phúc lợi

Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế vào mỗi năm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được dành riêng để chi trả tiền thưởng và các phúc lợi khác cho nhân viên Công ty.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(q) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(r) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Công ty không có cổ phiếu suy giảm giá trị tiềm ẩn.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(s) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh pin và ắc quy.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

4. Báo cáo bộ phận

Bộ phận chia theo vùng địa lý

	Trong nước		Xuất khẩu		Tổng	
	2014 VND	2013 VND	2014 VND	2013 VND	2014 VND	2013 VND
Doanh thu bán ra bên ngoài	1.623.040.949.759	1.520.867.556.803	403.289.897.654	358.157.077.661	2.026.330.847.413	1.879.024.634.464
Chi tiêu vốn	25.234.400.051	57.696.821.059	-	-	25.234.400.051	57.696.821.059
	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tài sản của bộ phận	1.251.690.012.120	1.427.707.342.278	-	-	1.251.690.012.120	1.427.707.342.278

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tiền mặt	740.367.151	1.332.387.883
Tiền gửi ngân hàng	159.896.515.420	132.234.519.738
Các khoản tương đương tiền	40.000.000.000	66.400.000.000
	<hr/>	<hr/>
	200.636.882.571	199.966.907.621
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

6. Các khoản đầu tư ngắn hạn

Các khoản đầu tư ngắn hạn phản ánh tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng có thời gian đáo hạn trong vòng 12 tháng từ ngày phát sinh và có lãi suất năm dao động từ 6,2% đến 7,8% (2013: 8% đến 8,9%).

7. Phải thu khác

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng phải thu	5.146.250.000	7.158.804.458
Tài sản thiếu chờ xử lý	63.083.174	-
Phải thu khác	18.721.757	19.793.898
	<hr/>	<hr/>
	5.228.054.931	7.178.598.356
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

8. Hàng tồn kho

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Nguyên vật liệu	203.696.090.640	179.524.326.464
Thành phẩm	111.363.428.772	129.952.912.479
Sản phẩm dở dang	96.061.594.692	88.596.924.612
Hàng mua đang đi trên đường	40.421.769.898	101.664.348.865
Hàng hóa	157.964.046	83.498.796
	<hr/>	<hr/>
	451.700.848.048	499.822.011.216
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(3.208.674.175)	(5.522.386.663)
	<hr/>	<hr/>
	448.492.173.873	494.299.624.553
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá hàng tồn kho là như sau:

	2014	2013
	VND	VND
Số dư đầu năm	5.522.386.663	467.151.179
Tăng dự phòng trong năm	3.208.674.175	5.522.386.663
Hoàn nhập dự phòng	(5.522.386.663)	(467.151.179)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	3.208.674.175	5.522.386.663
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ văn phòng VND	Khác VND	Tổng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	130.371.268.287	523.501.281.378	19.339.259.963	9.900.632.260	1.280.905.300	684.393.347.188
Tăng trong năm	563.108.182	583.427.500	-	-	-	1.146.535.682
Chuyển từ xây dựng cơ bản dờ dang	665.545.452	26.323.752.556	1.407.388.182	-	-	28.396.686.190
Phân loại lại theo yêu cầu của Kiểm toán Nhà nước	(170.136.546)	(707.337.462)	-	(1.249.905.566)	-	(2.127.379.574)
Số dư cuối năm	131.429.785.375	549.701.123.972	20.746.648.145	8.650.726.694	1.280.905.300	711.809.189.486
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	43.617.024.662	255.189.585.409	11.090.826.978	7.419.071.672	512.436.247	317.828.944.968
Khấu hao trong năm	8.203.072.967	51.298.162.810	1.813.827.220	1.222.748.284	222.588.560	62.760.399.841
Phân loại lại theo yêu cầu của Kiểm toán Nhà nước	(162.425.346)	(646.908.412)	-	(1.200.198.455)	-	(2.009.532.213)
Số dư cuối năm	51.657.672.283	305.840.839.807	12.904.654.198	7.441.621.501	735.024.807	378.579.812.596
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	86.754.243.625	268.311.695.969	8.248.432.985	2.481.560.588	768.469.053	366.564.402.220
Số dư cuối năm	79.772.113.092	243.860.284.165	7.841.993.947	1.209.105.193	545.880.493	333.229.376.890

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản với nguyên giá là 157.045 triệu VND đã khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 157.045 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm vi tính VND	Phí chuyển giao công nghệ VND	Tổng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	47.293.702.056	5.055.248.004	-	52.348.950.060
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	-	3.431.895.988	3.431.895.988
Số dư cuối năm	47.293.702.056	5.055.248.004	3.431.895.988	55.780.846.048
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	19.614.657.918	2.945.791.963	-	22.560.449.881
Khấu hao trong năm	543.360.877	725.692.862	686.379.197	1.955.432.936
Số dư cuối năm	20.158.018.795	3.671.484.825	686.379.197	24.515.882.817
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	27.679.044.138	2.109.456.041	-	29.788.500.179
Số dư cuối năm	27.135.683.261	1.383.763.179	2.745.516.791	31.264.963.231

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá là 25.097 triệu VND đã khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 18.564 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

11. Xây dựng cơ bản dở dang

	2014 VND	2013 VND
Số dư đầu năm	13.375.490.473	12.389.210.311
Tăng trong năm	24.087.864.369	53.529.965.402
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(28.396.686.190)	(50.571.095.494)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(3.431.895.988)	(1.972.589.746)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	5.634.772.664	13.375.490.473
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang bao gồm:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Chi phí trả trước cho máy móc và thiết bị	1.082.733.766	3.920.758.733
Dây chuyền lắp ráp pin tại nhà máy Pin Con Ó	-	7.348.865.000
Khác	4.552.038.898	2.105.866.740
	<hr/>	<hr/>
	5.634.772.664	13.375.490.473
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

12. Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác bao gồm khoản đầu tư vốn chủ sở hữu vào Công ty TNHH Đầu tư Kinh Doanh Bất động sản Việt Gia Phú, chi tiết như sau:

Các khoản đầu tư dài hạn khác	Hoạt động chính	Giấy phép đầu tư	Phần trăm sở hữu thực tế
Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Việt Gia Phú	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất và bán nguyên vật liệu, thiết bị được sử dụng trong xây dựng.	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0310500637 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh ban hành lần đầu vào ngày 6 tháng 12 năm 2010 và lần sửa đổi gần nhất là vào ngày 29 tháng 4 năm 2014.	2,25%

Trước ngày 29 tháng 4 năm 2014, Công ty sở hữu 60% vốn của Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Việt Gia Phú (“VGP”). Vào ngày 29 tháng 4 năm 2014, VGP tăng vốn từ 6 tỷ VND lên đến 160 tỷ VND và Công ty đã không tham gia lần tăng vốn này. Theo đó, VGP không còn là một công ty con của Công ty do tỷ lệ sở hữu của Công ty giảm từ 60% xuống 2,25%.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

13. Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	5.588.960.792	354.071.007	5.943.031.799
Tăng trong năm	7.997.693.049	948.326.000	8.946.019.049
Phân bổ trong năm	(7.052.044.287)	(1.292.258.004)	(8.344.302.291)
Số dư cuối năm	6.534.609.554	10.139.003	6.544.748.557

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trên các khoản mục sau:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Chi phí phải trả	1.774.528.218	1.151.688.354
Dự phòng bảo hành	1.519.961.306	1.942.310.472
Dự phòng phải thu khó đòi	24.132.840	92.973.036
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	705.908.319	1.214.925.066
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	63.892.281
	4.024.530.683	4.465.789.209

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

15. Vay ngắn hạn

Các khoản vay ngắn hạn bao gồm các khoản vay với điều khoản và điều kiện như sau:

	Loại tiền	Lãi suất (năm)	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Ngân hàng Thương mại Chinatrust Việt Nam – Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh	USD	1,8% - 2,8%	64.330.452.147	-
Ngân hàng TNHH HSBC (Việt Nam)	USD	1,5 % - 2,2%	135.312.202.369	43.729.178.414
Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam (Vietcombank)	USD	1,8% - 2,2%	152.761.504.345	243.411.592.397
Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam (Viettin Bank) (*)	VND	2,2% - 2,8%	49.687.568.573	15.209.520.039
Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu (*)	VND	3,5%	25.623.600.000	90.822.235.000
Ngân hàng Thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam	USD	1,8% - 2,6	59.637.713.160	-
Ngân hàng TNHH ANZ (Việt Nam)	VND	4,5% - 5,2%	-	18.404.429.731
Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam (*)	VND	2,8% - 2,9%	-	5.889.000.000
Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu	USD	2,8% - 3,7%	-	61.780.000.000
			487.353.040.594	479.245.955.581

Tất cả các khoản vay ngắn hạn ngân hàng không có đảm bảo bằng tài sản.

- (*) Các khoản vay ngắn hạn này là các khoản vay bằng tiền Việt Nam Đồng nhưng được áp dụng lãi suất cho vay của các khoản vay ngắn hạn bằng tiền Đô-la Mỹ.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.529.330.583	10.040.289.658
Thuế thu nhập cá nhân	474.075.072	230.641.579
Thuế giá trị gia tăng	671.700.114	3.081.720.481
Phí thuê đất	13.829.560.480	-
Các loại thuế khác	2.362.000	1.374.440
	<hr/>	<hr/>
	18.507.028.249	13.354.026.158
	<hr/>	<hr/>

17. Chi phí phải trả

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Hoa hồng phải trả đại lý	29.767.223.959	25.415.560.978
Chi phí thuê đất	-	1.931.724.000
Chi phí tư vấn	-	1.580.250.000
Chi phí lãi vay	376.316.217	666.572.115
Chi phí phải trả khác	4.260.512.092	2.636.650.950
	<hr/>	<hr/>
	34.404.052.268	32.230.758.043
	<hr/>	<hr/>

18. Phải trả khác

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	903.096.200	873.401.600
Bảo hiểm xã hội	118.010.653	130.165.346
Cổ tức phải trả	-	18.637.521.700
Phải trả khác	59.017.696	141.295.888
	<hr/>	<hr/>
	1.080.124.549	19.782.384.534
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

19. Dự phòng bảo hành

Biến động của khoản dự phòng bảo hành trong năm như sau:

	2014 VND	2013 VND
Số dư đầu năm	8.828.683.963	8.181.035.629
Dự phòng lập trong năm	-	647.648.334
Dự phòng hoàn nhập trong năm	(1.919.768.938)	-
Số dư cuối năm	<u>6.908.915.025</u>	<u>8.828.683.963</u>

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

20. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	269.878.430.000	62.295.088.755	(14.367.110.657)	80.384.982.904	26.987.843.000	105.039.635.650	530.218.869.652
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	61.539.231.747	61.539.231.747
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(52.000.000)	-	-	-	(52.000.000)
Cổ tức							
- Đã công bố nhưng chưa trả	-	-	-	-	-	(18.637.521.700)	(18.637.521.700)
- Bằng tiền	-	-	-	-	-	(34.612.540.300)	(34.612.540.300)
Phân bổ vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	3.076.961.587	-	(3.076.961.587)	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(6.769.315.492)	(6.769.315.492)
Sử dụng quỹ	-	-	-	(33.208.701.132)	-	-	(33.208.701.132)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	269.878.430.000	62.295.088.755	(14.419.110.657)	50.253.243.359	26.987.843.000	103.482.528.318	498.478.022.775
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	74.408.588.711	74.408.588.711
Cổ tức (Thuyết minh 29)	-	-	-	-	-	(53.250.062.000)	(53.250.062.000)
Phân bổ vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	7.440.863.371	-	(7.440.863.371)	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(8.184.949.708)	(8.184.949.708)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	269.878.430.000	62.295.088.755	(14.419.110.657)	57.694.106.730	26.987.843.000	109.015.241.950	511.451.599.778

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

21. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2014		31/12/2013	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	26.987.843	269.878.430.000	26.987.843	269.878.430.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	26.987.843	269.878.430.000	26.987.843	269.878.430.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	(362.812)	(14.419.110.657)	(362.812)	(14.419.110.657)
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	26.625.031	266.250.310.000	26.625.031	266.250.310.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2014		2013	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	26.625.031	266.250.310.000	26.626.331	266.263.310.000
Cổ phiếu quỹ mua lại trong năm	-	-	(1.300)	(52.000.000)
Số dư cuối năm	26.625.031	266.250.310.000	26.625.031	266.250.310.000

22. Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu

Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu bao gồm quỹ đầu tư và phát triển và quỹ dự phòng tài chính, được trích lập từ lợi nhuận sau thuế từng năm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai. Khi quỹ được sử dụng để phát triển kinh doanh, khoản sử dụng được chuyển sang vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

23. Doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

24. Doanh thu hoạt động tài chính

	2014	2013
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	18.213.224.915	13.951.435.708
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.766.240.615	2.632.036.666
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	93.408.932	1.877.282.873
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	356.544.208
	<hr/>	<hr/>
	21.072.874.462	18.817.299.455
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

25. Chi phí tài chính

	2014	2013
	VND	VND
Chi phí lãi vay	18.685.358.217	14.985.375.658
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	9.687.085.979	6.756.903.526
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.499.454.466	204.666.796
	<hr/>	<hr/>
	29.871.898.662	21.946.945.980
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

26. Thu nhập khác

	2014	2013
	VND	VND
Bán phế liệu	822.337.926	929.464.139
Thu nhập khác	185.065.907	-
	<hr/>	<hr/>
	1.007.403.833	929.464.139
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

27. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	2014	2013
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	20.840.132.391	24.917.373.113
Dự phòng (thừa)/thiếu trong những năm trước	(243.400.285)	3.219.627.807
	<hr/> 20.596.732.106	<hr/> 28.137.000.920
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	441.258.526	(1.912.125.532)
	<hr/> 21.037.990.632	<hr/> 26.224.875.388

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2014	2013
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	95.446.579.343	87.764.107.135
	<hr/> 20.998.247.455	<hr/> 21.941.026.784
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	20.998.247.455	21.941.026.784
Ảnh hưởng của thay đổi trong thuế suất	-	608.971.256
Chi phí không được khấu trừ thuế	283.143.462	455.249.541
Dự phòng (thừa)/thiếu trong những năm trước	(243.400.285)	3.219.627.807
	<hr/> 21.037.990.632	<hr/> 26.224.875.388

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản Luật thuế thu nhập Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 22% trên lợi nhuận tính thuế.

Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 22% cho năm 2014 và 2015, và mức này sẽ giảm xuống 20% từ năm 2016.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

28. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 74.408.588.711 VND (2013: 61.539.231.747 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 26.625.031 (2013: 26.625.086), được tính như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2014	2013
	VND	VND
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	74.408.588.711	61.539.231.747

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2014	2013
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	26.625.031	26.626.331
Mua cổ phiếu quỹ	-	(1.245)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cuối năm	26.625.031	26.625.086

29. Cổ tức

Đại hội đồng Cổ đông của Công ty vào ngày 26 tháng 4 năm 2014, ngày 17 tháng 7 năm 2014 và ngày 11 tháng 12 năm 2014 đã quyết định phân phối khoản cổ tức lần lượt là 13.312.515.500 VND (500 VND mỗi cổ phiếu), 21.300.024.800 VND (800 VND mỗi cổ phiếu) và 18.637.521.700 triệu VND (700 VND mỗi cổ phiếu).

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

30. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty.

(i) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền và tiền gửi có kỳ hạn	(ii)	344.896.515.420	374.134.519.738
Phải thu khách hàng và phải thu khác	(iii)	55.560.405.025	103.456.237.254
		<hr/>	<hr/>
		400.456.920.445	477.590.756.992

(ii) Tiền và các khoản tương đương tiền và tiền gửi có kỳ hạn

Tiền và tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(iii) Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác

Rủi ro tín dụng của Công ty chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Giám đốc của Công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được đánh giá riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Khoản phải thu đáo hạn trong vòng 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Khách hàng có số dư phải thu vượt quá 30 ngày được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục mua trả chậm. Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào từ các khách hàng.

Tuổi nợ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2014		31/12/2013	
	Giá trị gộp VND	Dự phòng phải thu khó đòi VND	Giá trị gộp VND	Dự phòng phải thu khó đòi VND
Trong hạn	34.040.192.166	-	99.820.423.049	-
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	21.351.723.985	-	3.515.960.327	-
Quá hạn trên 180 ngày	2.209.978.992	(2.041.490.118)	2.426.402.116	(2.306.548.238)
	57.601.895.143	(2.041.490.118)	105.762.785.492	(2.306.548.238)

Biến động trong năm của dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	2014 VND	2013 VND
Số dư đầu năm	2.306.548.238	1.880.876.936
Tăng dự phòng trong năm	40.068.361	585.420.355
Hoàn nhập	(305.126.481)	(159.749.053)
Số dư cuối năm	2.041.490.118	2.306.548.238

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 2 năm VND
Phải trả người bán và phải trả khác	210.081.935.074	210.081.935.074	210.081.935.074	-
Vay ngắn hạn	487.353.040.594	488.903.835.377	488.903.835.377	-
Phải trả dài hạn khác	4.123.000.000	4.123.000.000	-	4.123.000.000
	701.557.975.668	703.108.770.451	698.985.770.451	4.123.000.000

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 2 năm VND
Phải trả người bán và phải trả khác	417.741.472.767	417.741.472.767	417.741.472.767	-
Vay ngắn hạn	479.245.955.581	484.055.457.914	484.055.457.914	-
Phải trả dài hạn khác	562.161.000	562.161.000	-	562.161.000
	897.549.589.348	902.359.091.681	901.796.930.681	562.161.000

Phải trả người bán và phải trả khác bao gồm khoản phải trả người bán, phải trả người lao động, chi phí phải trả và phải trả khác.

Công ty quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn và duy trì một số hạn mức tín dụng vay ngân hàng.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến thu nhập của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán và đi vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ của Công ty (VND). Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là Đô la Mỹ (USD).

Rủi ro tỷ giá hối đoái của Công ty được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro tỷ giá hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái

Công ty có các khoản nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	USD	USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	732.891	2.222.321
Phải thu khách hàng và phải thu khác	916.667	1.167.309
Phải trả người bán và phải trả khác	(1.395.537)	(10.920.247)
Vay ngắn hạn	(20.496.674)	(21.592.432)
	<hr/>	<hr/>
	(20.242.653)	(29.123.049)
	<hr/>	<hr/>

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được Công ty áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày	
	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
USD	21.353	21.070
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Công ty, sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày 31 tháng 12. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm:

	Ảnh hưởng đối với lợi nhuận thuần VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	
USD (mạnh thêm 1,34%)	(4.517.786.794)
Ngày 31 tháng 12 năm 2013	
USD (mạnh thêm 1,25%)	(5.749.947.875)

Biến động ngược lại của tỷ giá các đồng tiền có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận thuần của Công ty.

(ii) Rủi ro lãi suất

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Tài sản tài chính		
Tiền gửi ngân hàng	159.896.515.420	132.234.519.738
Các khoản tương đương tiền	40.000.000.000	66.400.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	145.000.000.000	175.500.000.000
	<hr/>	<hr/>
	344.896.515.420	374.134.519.738
Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi		
Nợ phải trả tài chính		
Vay ngắn hạn	(487.353.040.594)	(479.245.955.581)
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Mỗi thay đổi 100 điểm cơ bản trong lãi suất sẽ giảm 1.111 triệu VND lợi nhuận thuần của Công ty (2013: 1.000 triệu VND). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(e) Giá trị hợp lý

(i) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

	31/12/2014		31/12/2013	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:				
- Tiền và các khoản tương đương tiền và tiền gửi có kỳ hạn	344.896.515.420	344.896.515.420	374.134.519.738	374.134.519.738
- Phải thu khách hàng và phải thu khác	55.560.405.025	(*)	103.456.237.254	(*)
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:				
- Phải trả người bán và phải trả khác	(210.081.935.074)	(*)	(417.741.472.767)	(*)
- Vay	(487.353.040.594)	(*)	(479.245.955.581)	(*)
- Phải trả dài hạn khác	(4.123.000.000)	(*)	(562.161.000)	(*)

(ii) Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Tiền và các khoản tương đương tiền và tiền gửi có kỳ hạn

Giá trị ghi sổ xấp xỉ giá trị hợp lý do các công cụ tài chính này có thời gian đáo hạn ngắn.

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

31. Các hoạt động đầu tư phi tiền tệ

	2014 VND	2013 VND
Góp vốn vào Việt Gia Phú bằng tiền vay từ Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh và Du lịch Hiệp Phúc	3.600.000.000	-

32. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong năm Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2014 VND	2013 VND
Các cổ đông		
Trả cổ tức	53.250.062.000	53.250.062.000
Các bên liên quan		
Ký quỹ	-	158.400.000
Lãi tiền gửi	-	540.544.445
Mua vật liệu	31.766.942.737	24.042.393.937
Thành viên Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát và Hội đồng Quản trị		
Lương và thù lao	4.444.751.077	4.659.054.605

33. Cam kết

(a) Chi tiêu vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	7.253.919.595	9.491.823.617

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN****(b) Hợp đồng thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Trong vòng một năm	1.609.600.000	1.798.508.000
Trong vòng hai đến năm năm	452.000.000	3.341.958.000
	<hr/>	<hr/>
	2.061.600.000	5.140.466.000

34. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2014	2013
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	1.329.920.827.243	1.291.655.687.023
Chi phí nhân công trong chi phí sản xuất	183.958.963.423	161.718.880.181
Chi phí khấu hao	64.715.832.777	58.083.348.807
Chi phí dịch vụ mua ngoài	93.521.574.748	81.780.482.822
Chi phí khác	239.398.960.892	237.559.004.244

Ngày 9 tháng 3 năm 2015

Người lập:

Nguyễn Duy Hưng
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Trần Danh Văn
Tổng Giám đốc